

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH THÁI BÌNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 48/NQ-HĐND

*Thái Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2019*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công,**  
**vốn sự nghiệp quy hoạch năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**  
**KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Báo cáo số 170/BC-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 và kế hoạch năm 2020, tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2020 với tổng số vốn là 3.258.588 triệu đồng, vốn sự nghiệp quy hoạch là 10.000 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương: 2.167.170 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 674.700 triệu đồng.

b) Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho Dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình: 270.000 triệu đồng.

c) Vốn Trái phiếu Chính phủ: 135.400 triệu đồng.

d) Vốn chương trình Mục tiêu quốc gia: 505.570 triệu đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ cho các huyện về đích năm 2019 còn thiếu: 130.000 triệu đồng (trong đó thu hồi ứng ngân sách tỉnh là 55.000 triệu đồng).

- Hỗ trợ cho các xã về đích năm 2018 và năm 2019 còn thiếu: 251.360 triệu đồng (trong đó thu hồi ứng ngân sách tỉnh là 78.000 triệu đồng).

(Chi tiết Biểu số 01)

- Thực hiện các Đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (phần dự phòng): 56.010 triệu đồng.

- Trả nợ vay Ngân hàng Phát triển đến hạn năm 2020: 49.171 triệu đồng (phần còn lại phải trả là 65.600 triệu đồng bố trí hoàn trả từ bội thu ngân sách địa phương năm 2020).

- Bố trí hỗ trợ các công trình nước sạch theo cơ chế của tỉnh năm 2019-2020: 19.029 triệu đồng.

e) Vốn bổ sung từ nguồn dự phòng chung của cả nước và nguồn 10.000.000 triệu đồng từ việc điều chỉnh giảm vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia giai đoạn 2016-2020: 327.000 triệu đồng.

g) Vốn đầu tư nước ngoài (ODA): 254.500 triệu đồng, trong đó Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: 143.760 triệu đồng.

Đối với nguồn vốn trên, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn chỉnh kế hoạch theo ý kiến thẩm định, sau khi có quyết định chính thức, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để triển khai thực hiện.

2. Kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương: 999.242 triệu đồng, cụ thể:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh: 94.310 triệu đồng, gồm:

- Đối ứng các dự án ODA: 30.000 triệu đồng.

(Chi tiết Biểu số 02)

- Trả gốc vay Ngân hàng Công thương (Đề án vay vốn Bệnh viện Nhi): 20.000 triệu đồng.

- Bổ sung thanh toán cơ chế nước sạch của tỉnh: 24.310 triệu đồng.

- Sửa chữa lớn: 10.000 triệu đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10.000 triệu đồng.

b) Bố trí cho các công trình trọng điểm của tỉnh: 169.000 triệu đồng, gồm:

+ Dự án Tuyến đường bộ ven biển: 112.000 triệu đồng.

+ Dự án Thư viện khoa học tổng hợp tỉnh: 20.000 triệu đồng.

+ Dự án Tượng đài Bác Hồ với nông dân: 37.000 triệu đồng.

c) Bố trí cho các công trình, dự án: 735.932 triệu đồng, gồm:

- Bố trí cho 05 dự án đối ứng sử dụng ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 56.700 triệu đồng.

(Chi tiết Biểu số 03)

- Bố trí cho 84 công trình hoàn thành đã phê duyệt quyết toán: 134.001 triệu đồng.

(Chi tiết Biểu số 04)

- Bố trí cho 13 công trình hoàn thành chưa quyết toán: 52.300 triệu đồng.

(Chi tiết Biểu số 05)

- Bố trí cho 86 công trình chuyển tiếp, khởi công mới và hỗ trợ bổ sung cho cấp huyện: 492.931 triệu đồng.

## (Chi tiết Biểu số 06)

Đối với các dự án đã xác định cụ thể nguồn vốn, căn cứ vào số thu tiền sử dụng đất, giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn, phân bổ cho các công trình.

Đối với các dự án, công trình của cấp huyện được chuyển tiếp, khởi công mới và hỗ trợ bổ sung, giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện hoàn thành dự án theo đúng quy định của pháp luật, không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

3. Vốn đầu tư phát triển phân cấp cho các huyện, thành phố: 92.176 triệu đồng, trong đó thanh toán nợ xây dựng cơ bản tối thiểu 75.780 triệu đồng, cụ thể:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	Kế hoạch 2018-2020	Đã phân bổ		Kế hoạch Năm 2020		Ghi chú
			Năm 2018	Năm 2019	Vốn phân bổ năm 2020	Thanh toán Nợ XDCB	
1	Thành phố Thái Bình	39.839	15.724	17.562	6.553	1.077	
2	Huyện Quỳnh Phụ	73.741	29.095	32.507	12.139	9.455	
3	Huyện Hưng Hà	73.560	29.024	32.427	12.109	12.109	
4	Huyện Đông Hưng	76.514	30.200	33.730	12.584	6.506	
5	Huyện Thái Thụy	88.914	35.085	39.195	14.634	14.634	
6	Huyện Tiền Hải	71.973	28.406	31.728	11.839	9.681	
7	Huyện Kiến Xương	70.091	27.657	30.898	11.536	11.536	
8	Huyện Vũ Thư	65.552	25.873	28.897	10.782	10.782	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>560.184</b>	<b>221.064</b>	<b>246.944</b>	<b>92.176</b>	<b>75.780</b>	

4. Vốn quy hoạch: 10.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp quy hoạch) được phân bổ cho các dự án, nhiệm vụ quy hoạch của tỉnh.

## (Chi tiết Biểu số 07)

5. Các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến danh mục phân bổ chi tiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XVI kỳ họp thứ chín thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Diên**

**Biểu 01:****DANH MỤC CÁC HUYỆN, XÃ HỖ TRỢ TỪ NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh***ĐVT: Triệu đồng**

STT	Huyện, xã	Lũy kế đến hết năm 2019	Kế hoạch năm 2020	
			Tổng	Thu hồi ứng NST
	<b>Tổng cộng</b>	<b>96.000</b>	<b>381.360</b>	<b>133.000</b>
<b>A</b>	<b>Hỗ trợ cho các huyện về đích năm 2019</b>	-	<b>130.000</b>	<b>55.000</b>
1	Huyện Đông Hưng	-	25.000	12.500
2	Huyện Quỳnh Phụ	-	20.000	10.000
3	Huyện Vũ Thư	-	20.000	
4	Huyện Tiền Hải	-	20.000	10.000
5	Huyện Thái Thụy	-	25.000	12.500
6	Huyện Kiến Xương	-	20.000	10.000
<b>B</b>	<b>Hỗ trợ cho các xã về đích năm 2018, 2019</b>	<b>96.000</b>	<b>251.360</b>	<b>78.000</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Đông Hưng</b>			
1	Xã Bạch Đằng	3.000	2.360	
2	Xã Lô Giang	3.000	3.000	
3	Xã Liên Giang	3.000	3.000	
4	Xã Đồng Phú	3.000	3.000	
5	Xã Phong Châu	3.000	3.000	
6	Xã Đông Hoàng	3.000	3.000	
7	Xã Hợp Tiến	3.000	3.000	
8	Xã Đông Dương	3.000	3.000	
9	Xã Đông Kinh	3.000	3.000	
10	Xã Đông Tân	3.000	3.000	
11	Đông Lĩnh		6.000	3.000
12	Minh Châu		6.000	3.000
13	Đông Á		6.000	3.000
14	Đông Huy		6.000	3.000
15	Đô Lương		6.000	3.000
16	Thăng Long		6.000	3.000
<b>II</b>	<b>Huyện Quỳnh Phụ</b>			
1	Xã Quỳnh Bảo	3.000	3.000	
2	Xã Đông Hải	3.000	3.000	

3	Xã An Dục	3.000	3.000	
4	Quỳnh Lâm		6.000	3.000
5	Quỳnh Hồng		6.000	3.000
6	Quỳnh Châu		6.000	3.000
7	An Vinh		6.000	3.000
8	Quỳnh Xá		6.000	3.000
<b>III</b>	<b>Huyện Vũ Thư</b>			
1	Bách Thuận		6.000	3.000
2	Việt Hùng		6.000	3.000
3	Trung An		6.000	3.000
4	Phúc Thành		6.000	3.000
<b>IV</b>	<b>Huyện Tiên Hải</b>			
1	Xã Bắc Hải	3.000	3.000	
2	Xã Nam Chính	3.000	3.000	
3	Xã Đông Hải	3.000	3.000	
4	Xã Đông Trung	3.000	3.000	
5	Xã Nam Hải	3.000	3.000	
6	Xã Đông Long	3.000	3.000	
7	Xã Nam Hà	3.000	3.000	
<b>V</b>	<b>Huyện Thái Thụy</b>			
1	Xã Thụy Dũng	3.000	3.000	
2	Xã Thụy Hải	3.000	3.000	
3	Xã Hồng Quỳnh	3.000	3.000	
4	Xã Thái Hòa	3.000	3.000	
5	Xã Thụy Xuân	3.000	3.000	
6	Xã Thái Hồng	3.000	3.000	
7	Xã Thái Dương	3.000	3.000	
8	Xã Thái Hưng	3.000	3.000	
9	Thụy Việt		6.000	3.000
10	Thái Nguyên		6.000	3.000
11	Thái Đô		6.000	3.000
12	Thái Hà		6.000	3.000
13	Thụy Trường		6.000	3.000
14	Thụy Phong		6.000	3.000
15	Thái Thọ		6.000	3.000

<b>V</b>	<b>Huyện Kiến Xương</b>			
1	Xã An Bồi	3.000	3.000	
2	Xã Minh Tân	3.000	3.000	
3	Xã An Bình	3.000	3.000	
4	Xã Hòa Bình	3.000	3.000	
5	Trà Giang		6.000	3.000
6	Quyết Tiến		6.000	3.000
7	Minh Hưng		6.000	3.000
8	Vũ Quý		6.000	3.000

**Biểu 02:**

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA ĐỐI ỨNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2020		Ghi chú
		Tổng số	Vốn đối ứng		Tổng số	Vốn đối ứng NST	
			Tổng số	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Cộng</b>	<b>1.075.270</b>	<b>164.402</b>	<b>33.285</b>	<b>284.500</b>	<b>30.000</b>	
1	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	64.599	12.524		20.368	4.400	
2	Phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ ứng phó biến đổi ven biển huyện Thái Thụy	261.651	67.803	26.860	71.500	9.000	
3	Dự án tăng cường hệ thống xử lý chất thải y tế bệnh viện phụ sản và một số bệnh viện đa khoa tuyến huyện tại Thái Bình do Chính phủ Đức tài trợ	38.718	6.454	-	20.664	1.000	
4	Dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng tỉnh Thái Bình	226.985	6.485	-	13.208	600	
5	Dự án hợp phần phát triển bệnh viện Nhi Thái Bình	143.418	18.757	6.425	2.000	2.000	
6	Xử lý đột xuất cấp bách kè Hà My đoạn k2+850, đê cửa hữu sông Diêm Hộ, nắn tuyến đê bảo vệ khu dân cư thuộc thị trấn Diêm Điền từ cống Ngoại Trinh II K12+870 đến cống Diêm Điền K13 Pam huyện Thái Thụy; trồng rừng ngập mặn đê biển 8 huyện Thái Thụy, đê biển 5, 6 huyện Thái Thụy, nâng cấp tuyến đê biển từ K42 đến K43+700 và K44+750, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	189.975	29.302		85.673	5.000	
7	Thí điểm xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tưới tiêu cho khu cánh đồng mẫu sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao theo hướng tăng trưởng xanh (cho ba xã huyện Đông Hưng Thái Bình	149.924	23.077		71.087	8.000	



**Biểu 03:****DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU ĐỐI ỨNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020***Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: NSTW	Tổng số	Đối ứng từ Ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.150.877</b>	<b>992.870</b>	<b>144.700</b>	<b>56.700</b>	
1	Đường cứu hộ cứu nạn ĐH 91 từ xã Thái Giang đi xã Thái Dương (giai đoạn 2)	156.631	156.631	23.500	3.500	
2	Đường 217 từ Cầu Hiệp đến QL39 (giai đoạn 2 từ QL 10 đến QL 39)	486.507	350.000	70.000	40.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Thành phố Thái Bình qua cầu Tịnh Xuyên đến huyện Hưng Hà (giai đoạn 1: Đoạn từ thành phố Thái Bình đến đường ĐH.09 huyện Vũ Thư)	361.239	361.239	29.500	4.500	
4	Cải tạo, nâng cấp đường 452 (đường 224 cũ), tỉnh Thái Bình (giai đoạn 1: Đoạn từ ngã tư La đến đường nối hai tỉnh Thái Bình- Hà Nam)	101.500	80.000	15.000	8.000	
5	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề để giải quyết việc làm cho người khuyết tật tại Trường Trung cấp nghề cho người khuyết tật tỉnh Thái Bình	45.000	45.000	6.700	700	

**Biểu 04:****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN BỐ TRÍ  
KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh***ĐVT: Triệu đồng**

TT	Danh mục, dự án	TMDT được duyệt (điều chỉnh)	Tổng nợ XDCB	Kế hoạch 2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.489.974</b>	<b>207.691</b>	<b>134.001</b>	-
1	Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển 6 K14,5 đến K18 và K26 đến K34.	317.782	26.035	5.800	
2	Dự án xây dựng cầu Tịnh Xuyên.	518.800	11.800	4.800	
3	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ cứu nạn từ thị trấn Diêm Điền đến đê sông Hóa xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy (ĐT 461).	105.835	2.400	2.400	
4	Khắc phục thiệt hại do bão số 1 công trình trường THPT Chuyên Thái Bình.	13.361	5.959	3.600	
5	Xử lý cấp bách kè Lão Khê đoạn từ K133+250 đến K133+700, đê Hồng Hà I, Hưng Hà.	13.129	5.672	3.500	
6	Nâng cấp hệ thống sông Hữu Luộc K0 - K36 (GD1 từ K18+700-K22+700, Kè Đồng Trục, Kè Hiệp Từ).	84.997	4.743	4.743	
7	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa sông Diêm Hộ, xã Thái Thượng huyện Thái Thụy.	109.447	3.891	3.891	
8	Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh TB.	30.871	2.090	2.090	
9	Xử lý khẩn cấp đê bồi Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ.	4.507	1.405	1.405	
10	Xử lý khẩn cấp sạt lở đê bồi Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà.	5.380	1.390	1.390	
11	Xử lý khẩn cấp kè Cao Phú từ K18+800 đến K19+150 đê tả Trà Lý, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng.	4.415	270	270	
12	Đường và cầu qua sông Đào Thành nối hai xã Canh Tân - Cộng Hòa, huyện Hưng Hà.	14.593	1.244	1.244	
13	Nâng cấp hệ thống đê Hồng Hà đoạn từ Nhật Tảo đến Tân Đệ (K133 - K150 và K150 - K160), giai đoạn I từ K139+400 đến K141+100 và từ K142+100 đến K146+100.	177.718	1.202	1.202	
14	Xử lý khẩn cấp kè Thái Phúc đoạn từ K46+060 đến K46+520 đê tả sông Trà Lý.	13.278	975	975	
15	Dự án xử lý khẩn cấp kè Nội Lang đoạn từ K2+300 đến K3+200 và kè hướng dòng thượng lưu cống Tân Lập, xã Nam Hải, huyện Tiền Hải.	10.739	934	934	

16	Xây dựng trường THPT Đông Thụy Anh, huyện Thái Thụy năm 2010.	15.685	843	843	
17	Hệ thống cấp nước thị trấn Nam Trung, huyện Tiền Hải.	24.548	679	679	
18	Nhà ở xã hội, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình.	13.542	576	576	
19	Cải tạo, nâng cấp Đường liên xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương đi xã Vũ Hội huyện Vũ Thư (đoạn từ tỉnh lộ 458 đến cổng Chợ Cầu).	3.066	518	518	
20	Cải tạo, sửa chữa CSVN và mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Cai nghiện ma túy và Chăm sóc đối tượng xã hội TB.	2.173	393	393	
21	Hệ thống truyền thanh vùng công giáo và ven biển, tỉnh Thái Bình.	15.556	342	342	
22	Xử lý khẩn cấp kè Hồng Phong, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà (đoạn từ K1+800 đến K2+280).	9.408	218	218	
23	Nhà học 4 tầng số 2 trường THPT Đông Thụy Anh.	18.884	99	99	
24	Đường Đồng Châu (GD 1).	56.530	92	92	
25	Hệ thống thiết bị Trung tâm Phát thanh và truyền hình Thái Bình (Giai đoạn 1).	16.287	71	71	
26	Nhà để xe tại trụ sở làm việc của HĐND, UBND và Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh.	3.072	69	69	
27	Nhà khách công vụ Công an tỉnh.	35.445	63	63	
28	Tu bổ, tôn tạo và bảo tồn khu di tích Chùa Keo, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư.	19.384	47	47	
29	Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Y học Cổ truyền	11.319	45	45	
30	Đường làng nghề xã Thái Xuyên kéo dài.	1.193	42	42	
31	Cải tạo đường tránh qua Thị trấn Thanh Nê - huyện Kiến Xương.	7.312	41	41	
32	Trường THPT Nguyễn Trãi.	4.042	38	38	
33	Mở rộng nhà để xe, cải tạo tường dậu trường Đại học Thái Bình.	2.758	37	37	
34	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Lê Quý Đôn - Thành phố Thái Bình.	28.140	37	37	
35	Nhà học và phục vụ học tập Trường THPT Hưng Nhân, huyện Hưng Hà.	8.616	33	33	
36	Di chuyển đường dây 10KV trường TC nghề người khuyết tật.	410	32	32	
37	Hạ tầng thủy sản xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương	3.361	23	23	
38	Đầu tư xây dựng trường THPT Mê Linh, huyện Đông Hưng.	7.610	21	21	

39	Phát triển giống cây nông, lâm nghiệp từ năm 2013 đến năm 2020 phục vụ sản xuất tỉnh Thái Bình và các tỉnh trong cả nước (giai đoạn 1).	9.285	16	16	
40	Dự án ĐTXD Kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN Gia Lễ	46.240	11	11	
41	San nền lắp trũng, xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị xây dựng nhà A, B khoa khám bệnh thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Mắt Thái Bình (giai đoạn 1).	135.898	1.858	1.858	
42	Cải tạo, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do bão số 1 gây ra tại Bệnh viện Tâm thần.	1.224	549	549	
43	SC KP thiệt hại do cơn bão số 01 năm 2016 gây ra tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi.	866	323	323	
44	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa sông Trà Lý, tỉnh Thái Bình.	97.770	2.905	2.905	
45	Dự án đầu tư xây dựng Đền thờ liệt sỹ, tỉnh Thái Bình	17.648	392	392	
46	Xử lý khẩn cấp đoạn cuối kè Vũ Bình và kè hai bờ cửa vào phía thượng lưu cống Nguyệt Lâm, xã Vũ Bình, H.Kiến Xương.	14.985	2.669	2.669	
47	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm cai nghiện ma túy và Chăm sóc đối tượng xã hội (nay là cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh TB).	4.850	1.462	1.462	
48	Xây dựng phục hồi đền Mẫu, khu di tích lịch sử nhà Trần, xã Tiến Đức huyện Hưng Hà.	33.645	409	409	
49	Cải tạo, sửa chữa Nhà học 3 tầng 21 phòng học Trường THPT Nam Đông Quan.	4.974	2.584	2.584	
50	Đầu tư xe truyền hình lưu động Đài phát thanh truyền hình tỉnh.	29.920	14.083	6.000	
51	Xử lý khẩn cấp kè Hà My đoạn từ K42+840 đến K43+040 đê biển số 7, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.	1.068	6	6	
52	Di chuyển đường điện trung áp 10KV KCN Tiền Hải	4.395	8	8	
53	Cải tạo cống, nhà bảo vệ; cải tạo cầu vào trường; Sân, bồn hoa, HT thoát nước trường THPT Nam Duyên Hà	1.497	3	3	
54	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB để di chuyển cửa hàng xăng dầu của Công ty Thương mại Việt Hà tại phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình.	1.216	4	4	
55	Xử lý cấp bách kè Thái Phúc II, đê tả Trà Lý đoạn từ K48+230 đến K48+930 thuộc địa phận xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy.	8.715	5.215	4.000	
56	Tuyến đường ĐT.455 (đường 216 cũ) đoạn từ nút giao với đường Thái Bình - Hà Nam đến xã Quỳnh Nguyên huyện Quỳnh Phụ (chưa bao gồm QT phần chi phí GPMB)	56.292	6.913	4.500	

57	Cầu qua sông 3/2 trên tuyến đường Kỳ Đồng kéo dài và nạo vét sông 3/2 ( đoạn từ chợ cầu Nê đến sông Kiến Giang) thành phố Thái Bình	24.924	7	7	
58	Dự án sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, tỉnh Thái Bình.	65.415	16.220	6.500	
59	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 453 (đường 226 cũ) đoạn từ QL 39 đến đường 454 - HM hoàn thành đã phê duyệt quyết toán.	195.094	13.198	7.000	
60	Xử lý cấp bách đoạn đê từ K168+800 đến K170+500, và K171+500 đến K172+800 đê tả Hồng Hà II, huyện Vũ Thư.	14.789	8.342	5.000	
61	Dự án xây dựng Trung tâm Phát thanh truyền hình tỉnh.	81.399	7.162	4.300	
62	Kè Thái Phúc đoạn từ K46+650 đến K47+200 đê tả Trà Lý, huyện Thái Thụy.	12.525	5.125	3.100	
63	Xử lý khẩn cấp đê Hữu Trà Lý K45+900-K46+200 và đê cửa sông Hữu Trà Lý K0-K1+800, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương.	14.549	2.838	2.838	
64	Xử lý khẩn cấp kè Nhâm Lang, xã Tân Tiến, Hưng Hà đoạn từ K10+200 đến K10+700 đê hữu lược.	9.236	1.777	1.777	
65	Đê bồi xã Vũ Vân dài 400m, huyện Vũ Thư và công dưới đê.	6.990	1.754	1.754	
66	Xử lý khẩn cấp kè Đồng Phú đoạn từ K17+750 đến K17+950, đê tả Trà Lý, huyện Đông Hưng.	3.774	495	495	
67	Phục chế, tu sửa, bảo quản, sưu tầm và trưng bày hiện vật tại Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, thuộc xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư.	2.429	411	411	
68	Dự án xử lý khẩn cấp hoàn thiện đoạn đê cửa sông Tả Hồng Hà, xã Nam Hải, huyện Tiền Hải	4.686	409	409	
69	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản Đồng Hộn, xã Thụy Thanh.	12.558	232	232	
70	Củng cố bảo vệ nâng cấp đê biển số 8 K23,9 - K33 huyện Thái Thụy.	117.066	129	129	
71	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản cánh đồng kênh 80, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy.	50.162	102	102	
72	Xử lý khẩn cấp đê cửa sông Hữu Diêm Hộ K1+050 - K4+800 và gia cố chân kè Hà My đoạn đầu kè, huyện Thái Thụy.	14.723	6.828	4.231	
73	Đê biển số 7 đoạn K24+150-K24+798,6 và K24+798,6-K27 thuộc Dự án Củng cố, bảo vệ, nâng cấp đê biển số 7 từ K20+00 đến K27+00, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.	119.181	84	84	
74	Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển số 7 từ K34 đến K38, huyện Thái Thụy, tỉnh TB.	158.073	73	73	
75	Xử lý cấp bách Kè Tân Thành II (đoạn từ K15+305 đến K15+600 đê hữu Trà Lý, huyện Vũ Thư).	6.947	4.634	4.634	

76	Xử lý cấp bách kè Đòng Phú đoạn từ K17+450 đến K17+650 đê tả Trà Lý, xã Đòng Phú, huyện Đông Hưng.	3.971	1.201	1.201	
77	Trạm bơm tưới tiêu và Bờ bao vùng trũng xã Đông Cường, huyện Đông Hưng.	3.631	548	548	
78	Đường bờ nam sông Kiên Giang (GĐ1).	193.137	35	35	
79	Trung tâm dạy nghề huyện Kiến Xương.	10.735	119	119	
80	Xử lý khẩn cấp kè Đào Thành đoạn từ K4+720 đến K5+200 đê Hữu Luộc, xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà.	14.850	8.468	5.000	
81	Quy hoạch mở rộng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện ĐK huyện Tiền Hải.	54.757	1.063	1.063	
82	Đầu tư xây dựng trường Cao đẳng nghề Thái Bình	20.088	4.831	4.831	
83	Dự án KLN nhà bác học Lê Quý Đôn xã Độc Lập huyện Hưng Hà (GĐ1).	58.889	4.281	4.281	
84	Tu bổ, tôn tạo Di tích Miếu ba thôn và chùa Hưng Quốc- Hạng mục Tu bổ miếu thờ chính Miếu Ba thôn và sân, tường rào, nhà bếp - vệ sinh chùa Hưng Quốc xã Thụy Hải huyện Thái Thụy.	11.716	3.545	3.545	

**Biểu 05:**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020**  
(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục, dự án	TMDT được duyệt điều chỉnh)	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		
				Nguồn thu sử dụng đất	Tăng thu sử dụng đất	
1	2	3	4	4.1	4.2	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>262.390</b>	<b>52.300</b>	<b>6.000</b>	<b>12.500</b>	
1	Dự án Củng cố, nâng cấp tuyến đê Tả sông Trà Lý đoạn từ K30 đến K40 và đường cứu hộ đê từ đê tả Trà Lý đến đường 39.	75.494	6.000	6.000		
2	Dự án đầu tư xây dựng khoa phẫu thuật Bệnh viện Mắt.	26.818	5.400			
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường quay truyền hình Đài Phát thanh và truyền hình Thái Bình.	12.919	4.500			
4	Xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học trường THPT Chu Văn An.	12.722	4.000			
5	Đầu tư xây dựng nhà học 3 tầng trường THPT Lê Quý Đôn.	11.318	3.000			
6	Xây dựng nhà hiệu bộ trường THPT Đông Thụy Anh.	7.338	1.000			
7	Dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích Miếu Hai Thôn, xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư.	4.752	400			
8	Xử lý khẩn cấp kè Vũ Đoài đoạn từ K10+400 đến K11+064, đê tuyến 1, huyện Vũ Thư.	12.907	6.000			
9	Cụm bến Tượng và các hạng mục còn lại thuộc khu di tích lịch sử Nhà Trần: Đình, Đền, Bến Tượng A Sào.	32.777	7.000			
10	Xử lý cấp bách công Dương Liễu tại vị trí Km 190+600 đê tả Hồng Hà II, xã Minh Tân, huyện Kiến Xương.	13.871	2.500			
11	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê bổi An Hạ I, xã Nam Hải và cải tạo bên nghiêng tại cảng cá Cửa Lân, xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải.	14.890	5.000		5.000	
12	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường tỉnh ĐT.452 đến phà La Tiên (đê sông Luộc), huyện Hưng Hà (GD 2)	24.046	2.500		2.500	
13	Hoàn thiện mặt cắt, đắp cơ phân áp, xây tường chắn đất phía đông chống sạt lở, đê Tả Hồng Hà I đoạn K136+500 đến K138+700, huyện Hưng Hà	12.538	5.000		5.000	

**Biểu 06:****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP, KHỞI CÔNG MỚI VÀ HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU QUA NGÂN SÁCH HUYỆN BỐ TRÍ TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục, dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2020			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Nguồn thu sử dụng đất	Tăng thu sử dụng đất	
1	2	3	4	4.1	4.2	5
	<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>	<b>8.686.990</b>	<b>661.931</b>	<b>214.110</b>	<b>192.390</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM</b>	<b>4.149.892</b>	<b>169.000</b>	<b>117.610</b>	<b>31.390</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình	3.872.000	112.000	80.610	31.390	
2	Dự án đầu tư xây dựng thư viện khoa học tổng hợp tỉnh Thái Bình (công trình khối nhà chính và các hạng mục phụ trợ thiết yếu)	74.433	20.000			
3	Dự án Quảng trường Thái Bình xây dựng Tượng đài "Bác Hồ với nông dân", công trình : Tượng đài "Bác Hồ với nông dân"	203.459	37.000	37.000		
<b>II</b>	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DỰ ÁN</b>	<b>4.537.099</b>	<b>492.931</b>	<b>96.500</b>	<b>161.000</b>	
<b>A</b>	<b>Các dự án thuộc cấp tỉnh quản lý</b>					
1	Tuyến đường từ đường tỉnh 454 (chân cầu Tịnh Xuyên) đi khu di tích lịch sử Hành cung Lỗ Giang và khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, huyện Hưng Hà (GD 1)	58.922	10.000			
2	Đường cứu hộ cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương.	341.755	8.000			
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đến đường vào UBND xã Tây Đô, huyện Hưng Hà.	85.162	12.000			
4	Tuyến đường trục ĐH.60 đoạn từ cầu Văn Cẩm (ĐT.452) đi Đô Kỳ (ĐT.455) và đoạn từ ngã tư Trần Xá xã Văn Cẩm đi xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà sang xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ.	85.000	12.000			
5	Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giai đoạn 2 (Đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại theo quy hoạch tổng thể Khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà).	34.878	5.800			
6	Dự án Xử lý cấp bách tuyên đê, kè thuộc đê Tả sông Hồng Hà II đoạn từ K158+150 đến K159+550 huyện Vũ Thư.	43.776	8.000	8.000		



7	Xử lý khẩn cấp đê cửa sông Hữu Hóa đoạn từ K2+900 đến K7+000 huyện Thái Thụy	17.281	1.897	1.897		
8	Nhà học 4 tầng 16 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hưng Nhân huyện Hưng Hà	11.360	5.000			
9	Nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự huyện Tiên Hải, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình	8.884	4.000			
10	Xây dựng phần thân đơn nguyên I, khối nhà 7A, Bệnh viện Đa khoa huyện Hưng Hà	7.972	3.000			
11	Doanh trại - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	200.000	10.000	8.503		
12	Phân căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật phía trước trong khu vực phòng thủ tỉnh Thái Bình	34.738	8.000			
13	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường tỉnh 452 đến phà La Tiến (đê sông Luộc), huyện Hưng Hà, giai đoạn 3: Cầu qua sông Việt Yên	10.025	3.000	3.000		
14	Đền Trần xã Tiến Đức huyện Hưng Hà (Cải tạo, tu bổ các hạng mục phụ trợ thuộc di tích lịch sử Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua Trần, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà)	13.506	2.000			
15	Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình tại khu Trung tâm y tế (Nhà khám bệnh, kỹ thuật nghiệp vụ và hành chính quản trị bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình)	34.791	6.000			
16	Dự án cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Chính trị tỉnh	8.505	4.000			
17	Khu hành cung Lỗ Giang, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà	19.132	3.500			
18	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường tránh trú bão, cứu hộ, cứu nạn, phát triển kinh tế biển và đảm bảo ANQP ven biển phía Nam tỉnh Thái Bình (đường 221A)	735.295	20.000	20.000		
19	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ cứu nạn sông Luộc, sông Hóa từ An Khê đi An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ (ĐH72)	258.041	8.000		8.000	
20	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu thông tin thị trường lao động, dự báo cung - cầu lao động, khu điều hành và đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động, tiếp và giải quyết chính sách bảo hiểm thất nghiệp	45.000	2.000		2.000	
21	Nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn, hạng mục phụ trợ Trường THPT Phạm Quang Thắm	10.987	3.000			
22	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Bình Thanh	9.165	3.000			

23	Đầu tư san lấp mặt bằng khu đất mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước toàn trường, lán xe giáo viên và lát sân trường (phần còn lại) Trường THPT Mê Linh	3.852	2.000			
24	Cứng hóa kênh M1 trạm bơm Thống Nhất, huyện Tiền Hải	14.884	3.000		3.000	
25	Dự án đầu tư xây dựng Nhà điều trị bệnh nhân, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa Phụ Dực	23.997	4.000			
26	Nhà đa năng, nhà để xe, sân tập thể thao ngoài trời trường THPT chuyên TB	12.770	3.000			
27	Nhà hiệu bộ và các phòng học bộ môn, hạng mục phụ trợ Trường THPT Lý Bôn	16.941	3.000			
28	Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà điều trị nội trú 5 tầng Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	23.000	4.000			
29	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.455 (đường 216 cũ) đoạn từ QL10 đến đường ĐT.456 (GD 1: Từ Quốc lộ 10 đến xã An Dục, Quỳnh Phụ)	99.888	12.000			
30	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm kỹ thuật, cận lâm sàng Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư	32.461	5.000			
31	Xử lý cấp bách kè Bình Trật 2, đoạn từ K35+450 đến K35+950, đê Hữu Trà Lý, huyện Kiến Xương	14.296	3.000		3.000	
32	Đầu tư xây dựng đường nối từ cầu sông Hóa đến Quốc lộ 37	61.705	8.000	8.000		
33	Xử lý cấp bách kè Tân Thành III đoạn từ K17+050 đến K17+330 và đoạn từ K17+530 đến K17+680 tuyến đê hữu Trà Lý, huyện Vũ Thư	13.491	3.000		3.000	
34	Cải tạo, nâng cấp đường 455 (đường 216 cũ) đoạn từ xã Quỳnh Nguyên đi xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ	79.400	10.000		10.000	
35	Xử lý cấp bách cống ngõ ông Quỳnh đê Đại Thắng xã Hồng Tiến huyện Kiến Xương	14.884	2.000		2.000	
36	Xử lý cấp bách kè Đào Thành đê Hữu Luộc huyện Hưng Hà đoạn từ K3+700 đến K4+100	14.300	3.000		3.000	
37	Xử lý cấp bách nâng cấp, cứng hóa mặt đê đoạn từ K0+450 đến K4+800 và làm tường chắn sóng đoạn từ K0+450 đến K1+050 đê cửa sông Hữu Diêm Hộ, địa phận xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy	14.996	2.000		2.000	
38	Xử lý cấp bách kè bảo vệ đê phía sông đoạn từ K10+350 đến K11+050 đê cửa sông Tả Trà Lý địa phận xã Thái Thọ huyện Thái Thụy	14.500	2.000		2.000	
39	Xử lý cấp bách kè Nam Hồng đoạn K6+995 đến K7+600 đê cửa sông tả Hồng Hà xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải	14.890	2.000		2.000	

40	Xử lý cấp bách kè Thanh Nga đoạn từ K146+850 đến K148+300, đê Tả Hồng Hà I, thuộc địa phận Độc Lập, huyện Hưng Hà	30.000	3.000		3.000	
41	Xử lý cấp bách kè Đồng Phú đê tả Trà Lý đoạn từ K16+800 đến K17+250 xã Đồng Phú huyện Đông Hưng	13.000	2.000		2.000	
42	Xử lý cấp bách kè Nam Hồng đoạn K7+600 đến K8+470 đê cửa sông tả Hồng Hà xã Nam Hồng và xã Nam Hưng, huyện Tiền Hải	14.999	2.000		2.000	
<b>B</b>	<b>Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu qua ngân sách huyện</b>					
43	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử cách mạng Trường Vị Sỹ đến khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung công chúa, xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	34.998	6.000			
44	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Vũ Trung - Vũ Hòa, huyện Kiến Xương (Giai đoạn 5: Từ Công Cù Là xã Vũ Hòa đến xã Vũ Thắng)	14.850	4.000		4.000	
45	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.13 Vũ Hội - Vũ Vinh, huyện Vũ Thư	24.969	5.000		5.000	
46	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lê Lợi – Quyết Tiến – Bình Nguyên, huyện Kiến Xương	44.500	6.000		6.000	
47	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Quang Trung – Quang Hưng- Bình Thanh, huyện Kiến Xương	44.500	6.000		6.000	
48	Xây dựng cấp bách công trình Cầu Khẩu xã Đông Vinh và Cầu Tè xã Đô Lương, Đông Hưng	10.000	3.000		3.000	
49	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình-Hà Nam đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà	79.800	15.000		15.000	
50	Kè bờ sông Hút và nâng cấp mặt đường liên xã Bình Định, Hồng Tiến, huyện Kiến Xương (đoạn qua xã Bình Định)	14.985	4.000	500		
51	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60, đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	44.950	7.000		7.000	
52	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường từ UBND xã Hòa bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2	44.500	7.000		7.000	
53	Dự án nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống trạm bạc Đồng Xâm, Kiến Xương	13.000	3.000		3.000	
54	Dự án Xử lý khẩn cấp cầu Nhội qua sông 34 đoạn từ ĐT.454 đi thôn Xuân Lôi xã Hồng Minh	12.500	4.000		4.000	
55	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ĐH.60 đi đường ĐH.64, huyện Hưng Hà	44.900	7.000		7.000	

56	Đường cứu hộ cứu nạn Xuân Hòa - Việt Hùng, huyện Vũ Thư giai đoạn 2 (đoạn từ tỉnh lộ 454 đến đê hữu sông Trà Lý)	14.971	4.000			
57	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 39 đi đê sông Hồng (đoạn qua khu Đặng Xá) thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà	44.898	6.000			
58	Đường ĐH.01 (đoạn từ La Uyên đến Búng) giai đoạn 1, huyện Vũ Thư	69.517	7.000			
59	Đường ĐH.54 từ đê tả Trà Lý đến ngã tư Đông Giang	35.008	6.134			
60	Xây dựng tuyến đường quy hoạch số 5 từ đê sông Diêm Hộ đến đường quy hoạch số 2	283.246	9.000			
61	Đường từ QL39 qua UBND xã Thái Hưng đến nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh xã Hồng An; (Hạng mục: Xây dựng cầu Phú Ốc và Nâng cấp mở rộng mặt đường )	41.997	8.000	8.000		
62	Nạo vét, cứng hóa sông Sa Lung cạnh đường ĐH.52 đoạn từ ngã tư Gia Lễ xã Đông Mỹ đến đập Đáy xã Đông Dương	14.906	5.000		5.000	
63	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH 52 (Đoạn ngã tư Gia Lễ xã Đông Mỹ, Đông Dương, Đông Thọ) huyện Đông Hưng	24.954	5.000			
64	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH 55 đoạn từ QL10 đến trường THCS Phương Cường Xá	28.988	5.000			
65	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã từ xã Bắc Hải, huyện Tiền Hải đi xã Bình Định, huyện Kiến Xương (hạng mục: nền, mặt đường, cầu cống qua đường).	12.942	3.000			
66	Nhà tưởng niệm Doanh nhân văn hóa Bùi Viện xã An Ninh, Tiền Hải	18.000	4.000		4.000	
67	Xây dựng tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500) huyện Hưng Hà	129.988	20.000			
68	xử lý cấp bách kè Thiên Kiều thuộc cửa đê sông tả Trà Lý, đoạn từ K3+040 đến K4+000, huyện Thái Thụy	14.913	3.000		3.000	
69	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Thái Thụy	60.000	5.000		5.000	
70	Xây dựng hệ thống đường giao thông nội đồng và kè sông cầu Dừa trước trung tâm xã (giai đoạn 2)	12.700	3.000		3.000	
71	Cải tạo, nâng cấp đường 221B (ĐH.30) từ xã Tây Phong đi xã Nam Hải, huyện Tiền Hải	25.000	4.000		4.000	
72	Đường ĐH.74 đoạn từ ĐT.455 đến ĐT.452, huyện Quỳnh Phụ	38.590	4.000			
73	Đường ĐH.73 từ đường ĐT.455 vào khu di tích đền đồng bằng, xã An Lễ huyện Quỳnh Phụ	44.810	5.000		5.000	

74	Đường cứu hộ cứu nạn, đoạn từ đường ĐT.454 xã Minh Hòa đi đê tả Trà Lý xã Hồng Minh - Giai đoạn 2	44.850	6.600	6.600		
75	Xây dựng đường trục huyện ĐH.71, đoạn từ đường ĐH.64A qua xã Hòa Bình, Tây Đô đến đường ĐT.455 (đường 216 cũ) huyện Hưng Hà (Giai đoạn 1).	18.207	3.000			
76	Đường ĐH.64, huyện Hưng Hà đoạn từ đường ĐT.452 đi đường ĐT.455)	55.000	10.000			
77	Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 219 đoạn Vũ Quý - Vũ Trung, huyện Kiến Xương	15.000	7.000		2.000	
78	Cải tạo nâng cấp đường Vũ Quý - Vũ Bình, huyện Kiến Xương	24.700	5.000			
79	Xây dựng cầu Quyết Tiến -Thanh Tân, huyện Kiến Xương	13.873	5.000			
80	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn liên xã Bình Nguyên - An Bình - Vũ Tây, huyện Kiến Xương	30.333	5.000			
81	Đầu tư xây dựng Tuyến đường liên xã Hòa Bình - Đình Phùng, huyện Kiến Xương	60.000	5.000		5.000	
82	Xây dựng công trình đường ĐT.457 (đường 222 cũ) đoạn từ cầu Trà Giang đi xã Bình Minh huyện Kiến Xương - Giai đoạn 2	120.724	20.000	20.000		
83	Xử lý cấp bách một số tuyến kè sạt lở và cứng hóa mặt đê tại những điểm xung yếu thuộc tuyến đê tả Trà Lý đoạn qua Thành phố Thái Bình.	45.000	8.000		8.000	
84	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Quang Trung - Quang Minh - Minh Hưng huyện Kiến Xương	136.333	10.000	10.000		
85	Cầu Trạm Xá xã An Ninh qua đường 8B (ĐH.33), huyện Tiền Hải	14.771	2.000	2.000		
86	Chỉnh trang thị trấn Diêm Điền mở rộng theo tiêu chí đô thị loại IV-Hạng mục vỉa hè thị trấn Diêm Điền đoạn từ ngã tư Diêm Điền đến đê biển (Đường ĐT.461)	12.000	3.000		3.000	

**Biểu 07:****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2020***(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh)***ĐVT: Triệu đồng**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Tổng dự toán</b>	<b>Kế hoạch 2020</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.000</b>	
	<b>Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương</b>		<b>1.000</b>	
	<b>Phân bổ chi tiết cho các dự án</b>		<b>9.000</b>	
1	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035	5.193	1.100	
2	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Hoàng Diệu tại phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	729	300	
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Cụm công nghiệp Thống Nhất, huyện Hưng Hà	430	250	
4	Quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	17.104	3.000	
5	Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt chùa Keo, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	1.144	250	
6	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị thị trấn Hưng Hà đến năm 2030	2.122	400	
7	Quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt Khu lăng mộ và đền thờ các vị Vua triều Trần, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	500	100	
8	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị thị trấn Hưng Nhân đến năm 2030	2.200	400	
9	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đông Hưng và vùng phụ cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.	1.513	1.000	
10	Quy hoạch mạng lưới khu nhà ở xã hội cho các hộ gia đình, cá nhân làm việc tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	388	300	
11	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030		250	
12	Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình		300	
13	Đề án chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho tỉnh Thái Bình		200	
14	Dự án cắm mốc quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình		500	
15	Dự án điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Gia Lễ, huyện Đông Hưng (lần 2)		150	
16	Dự án cắm mốc giới các quy hoạch phân khu xây dựng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế		500	

